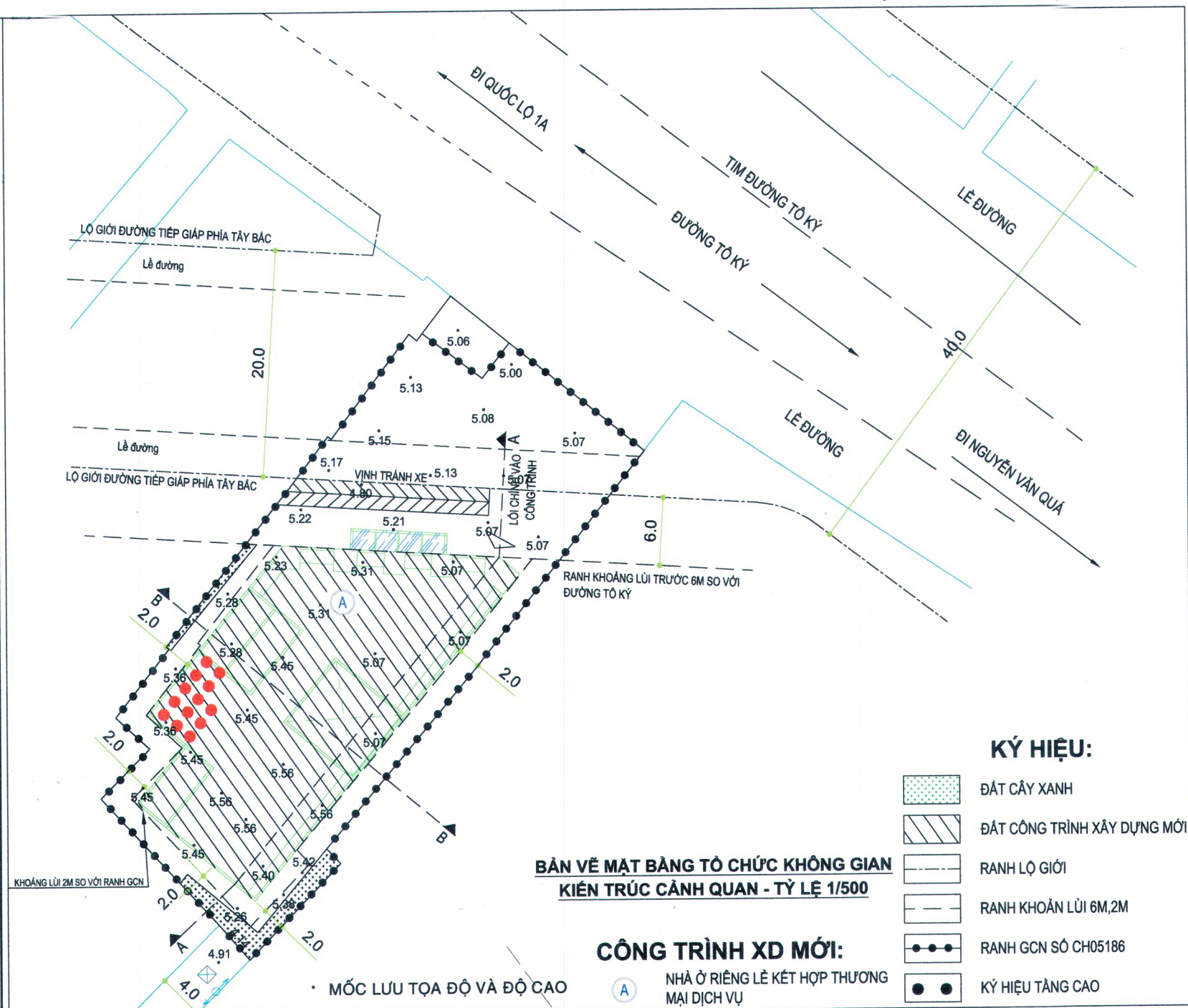


PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN - QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500

CÔNG TRÌNH: NHÀ Ở RIÊNG LÊ KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

ĐỊA ĐIỂM: 173 TÔ KÝ, PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH



BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN
KIẾN TRÚC CẢNH QUAN - TỶ LỆ 1/500

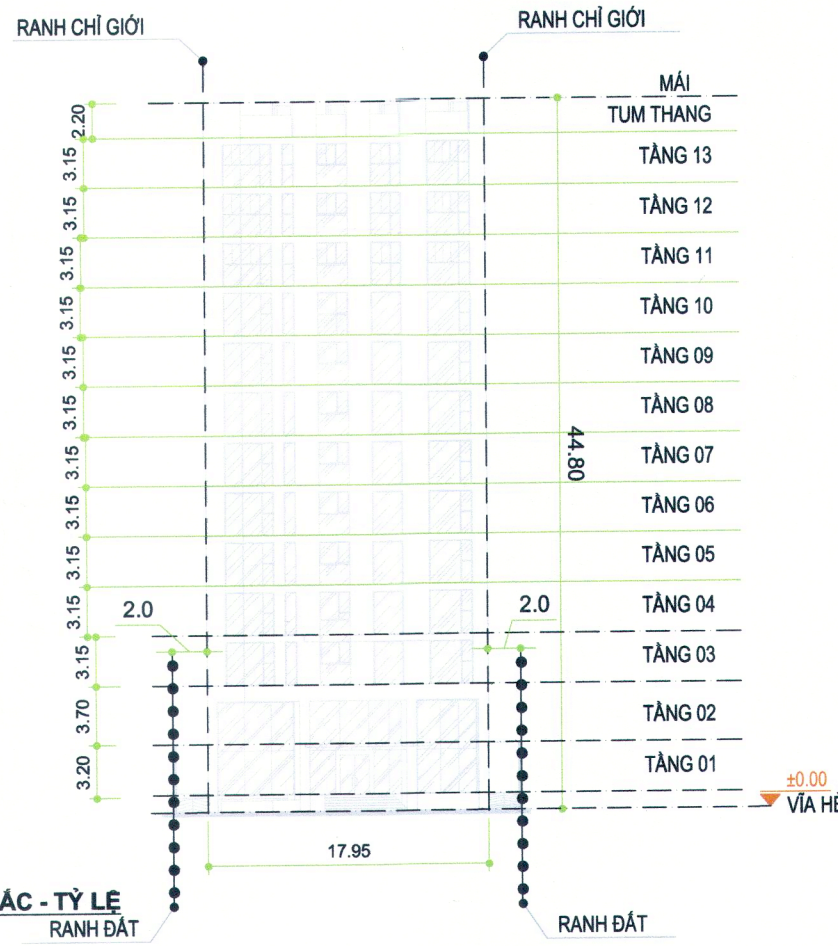
CÔNG TRÌNH XD MỚI:
NHÀ Ở RIÊNG LÊ KẾT HỢP THƯƠNG
MẠI DỊCH VỤ

- KÝ HIỆU:
- ĐẤT CÂY XANH
 - ĐẤT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI
 - RANH LỘ GIỚI
 - RANH KHOẢNG LUI 6M, 2M
 - RANH GCN SỐ CH05186
 - KÝ HIỆU TẦNG CAO

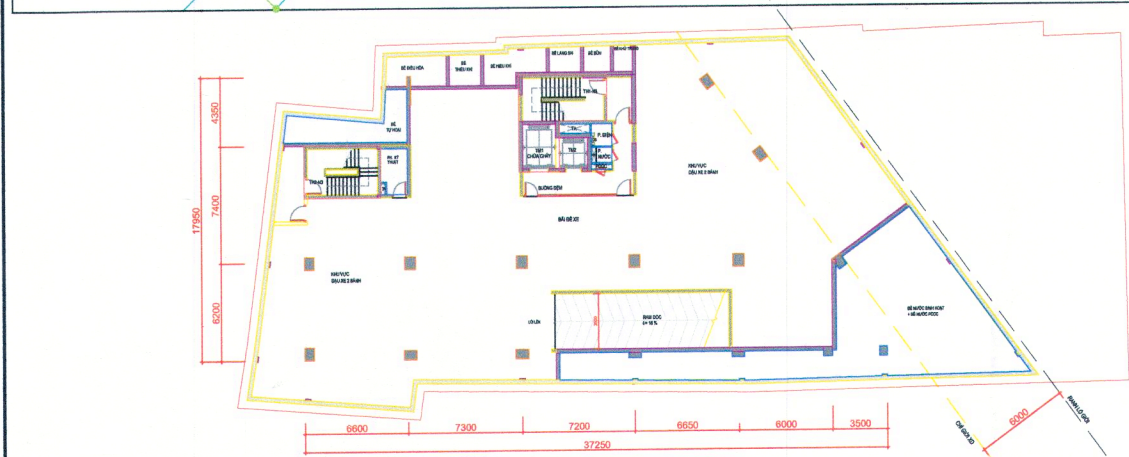


PHỐI CẢNH CÔNG TRÌNH NHÌN TỪ ĐƯỜNG DỰ PHÓNG TÂY BẮC - TỶ LỆ 1/500

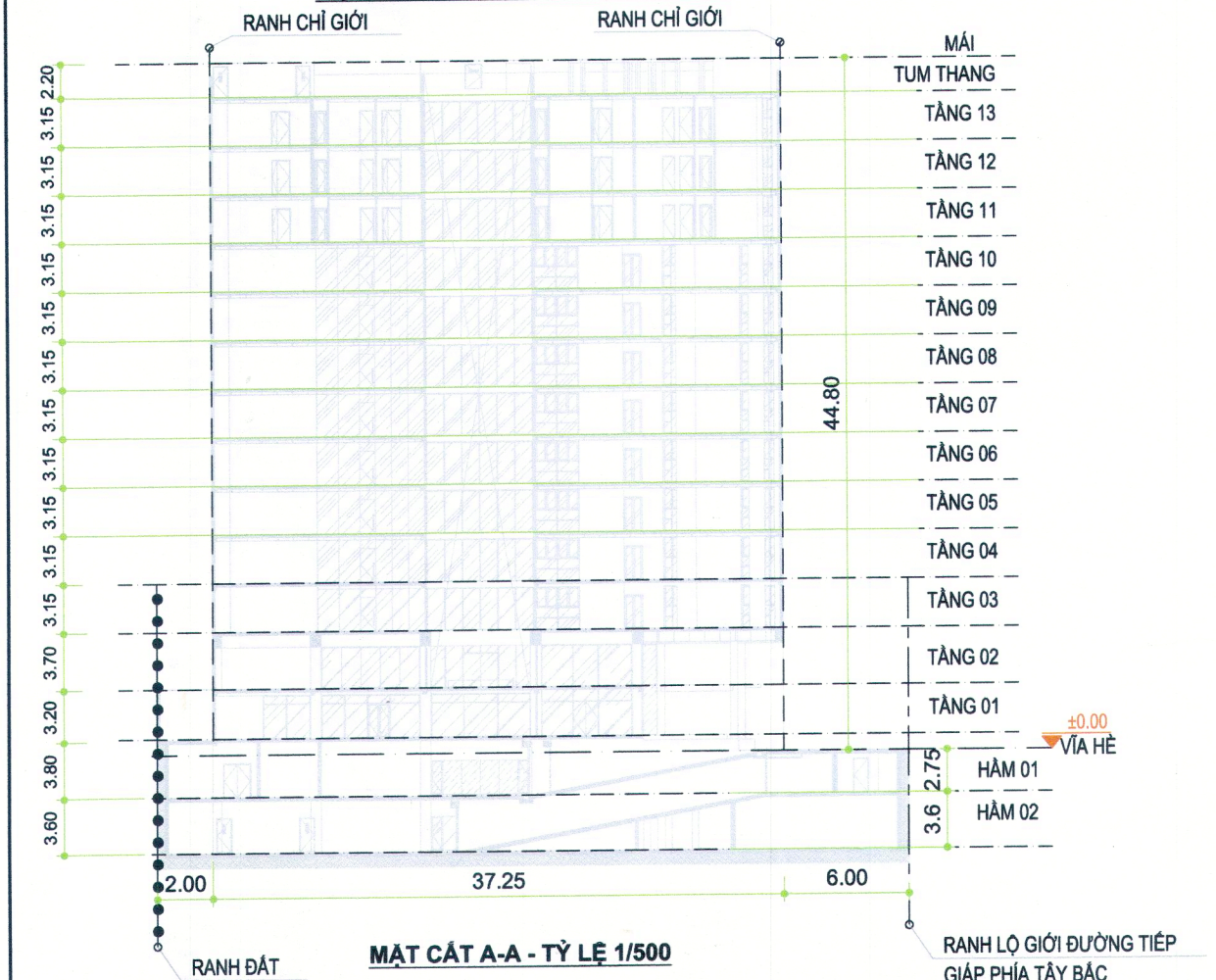
+ MÀU SẮC CHỦ ĐẠO LÀ XANH, TRẮNG
+ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHÍNH: XI MĂNG,
SẮT THÉP, CÁT, ĐÁ, GẠCH
+ VẬT LIỆU XÂY DỰNG KẾT CẤU: VỮA XÂY
DỰNG, BÊ TÔNG, PHỤ GIA XÂY DỰNG



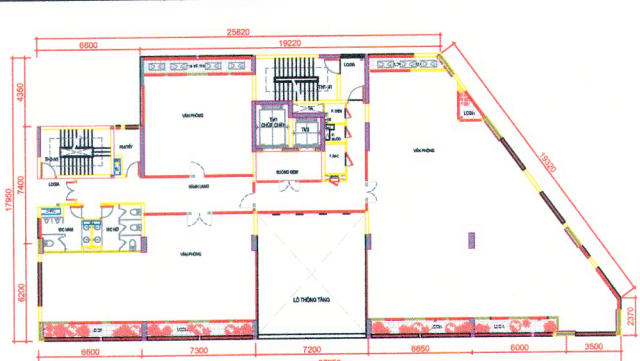
BẢN VẼ MẶT ĐỨNG CÔNG TRÌNH - TỶ LỆ 1/500



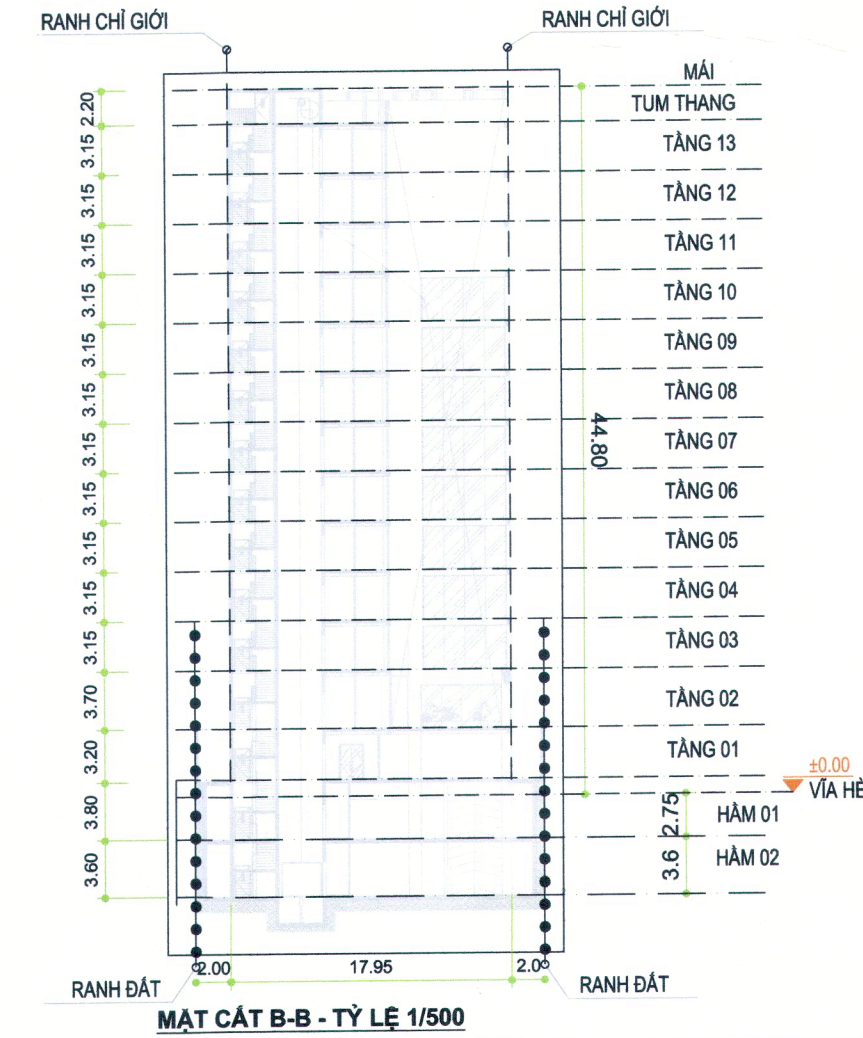
MẶT BẰNG TẦNG HẦM 1 TỶ LỆ 1/500



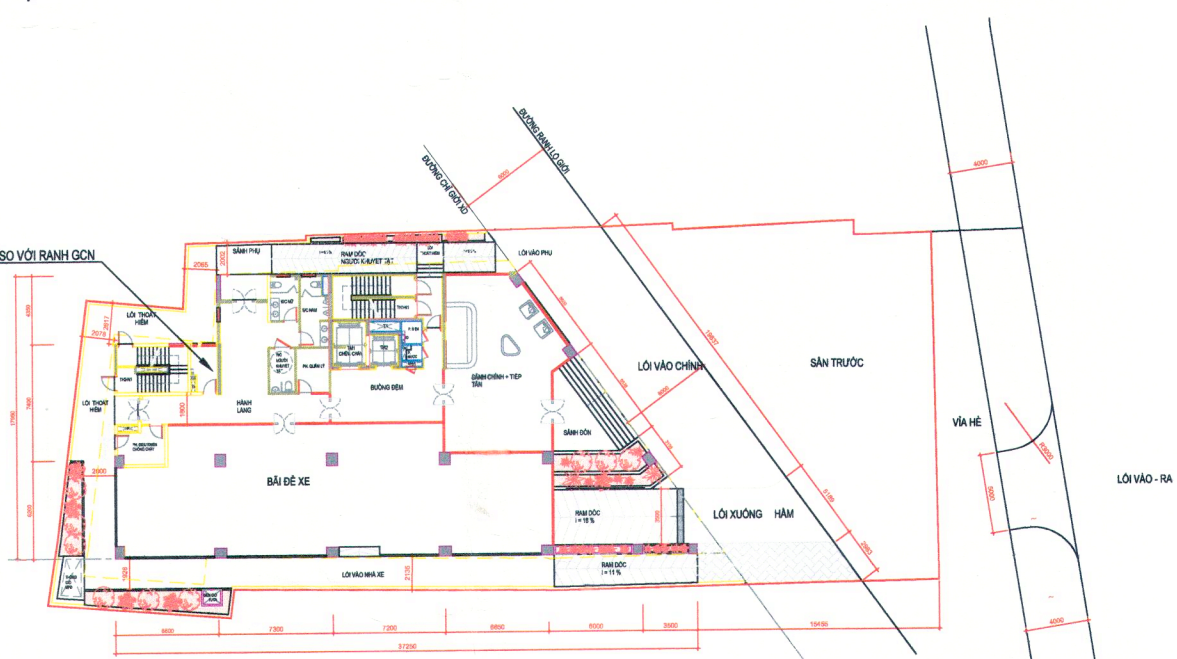
MẶT CẮT A-A - TỶ LỆ 1/500



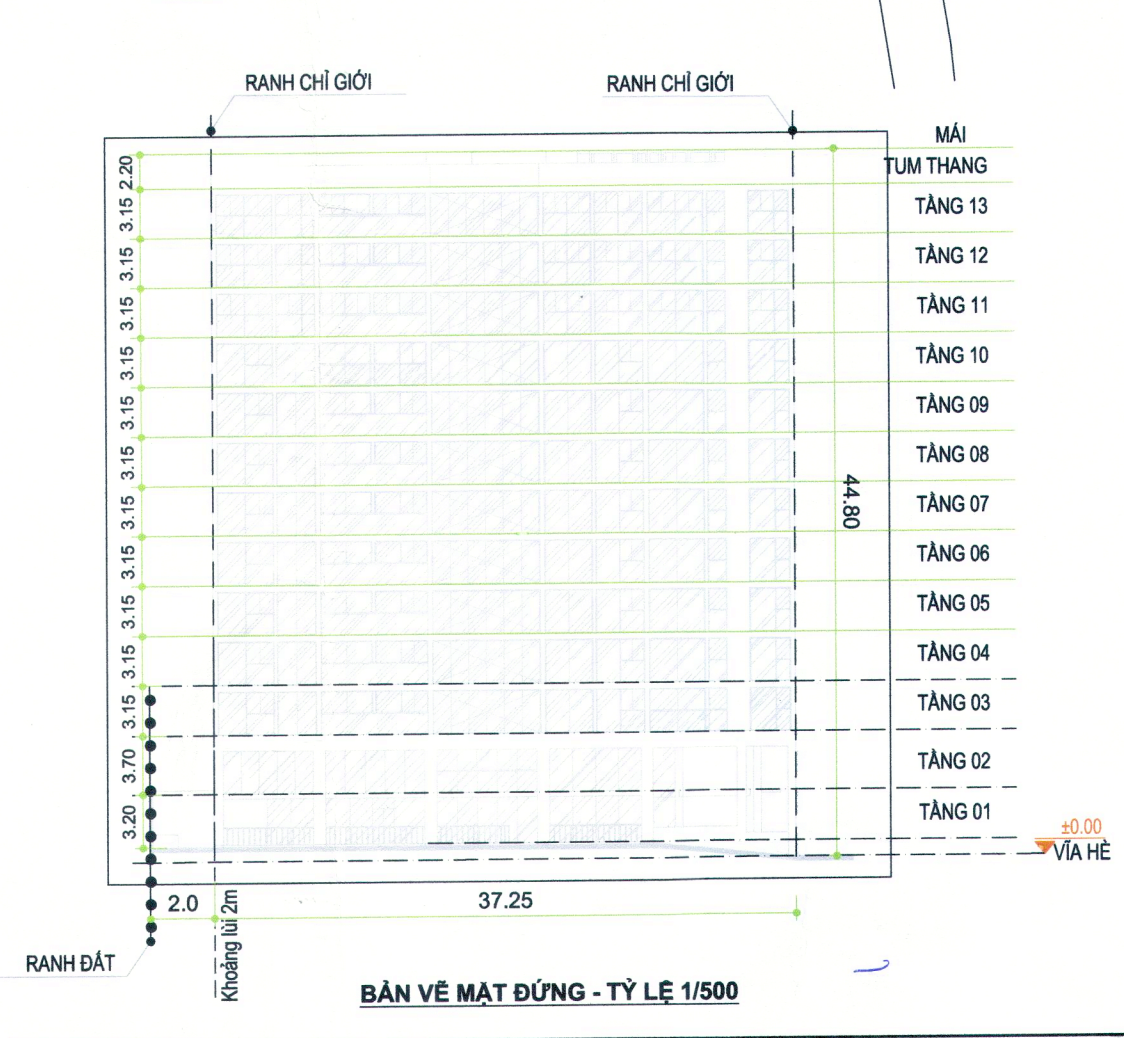
MẶT BẰNG TẦNG ĐIỂN HÌNH (TẦNG 4-10) - TỶ LỆ 1/500



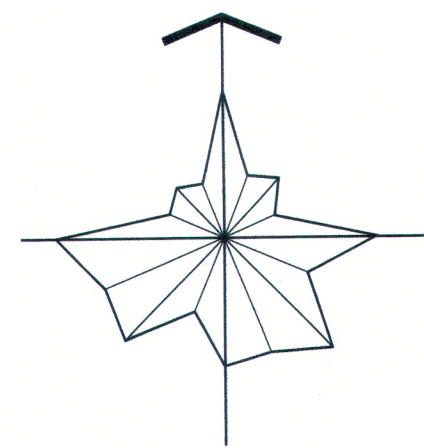
MẶT CẮT B-B - TỶ LỆ 1/500



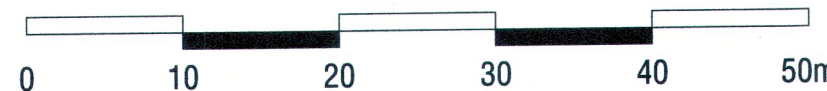
MẶT BẰNG TRỆT - TỶ LỆ 1/500



BẢN VẼ MẶT ĐỨNG - TỶ LỆ 1/500



1/500



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

CHỦ TỊCH



QUYẾT ĐỊNH SỐ 3845/... NGÀY 08 THÁNG 05 NĂM 2025

NGUYỄN VĂN ĐỨC

CHỦ ĐẦU TƯ:
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG

(Handwritten signature)

KÈM THEO TỜ TRÌNH NGÀY 08 THÁNG 04 NĂM 2025.

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TL 1/500
CÔNG TRÌNH NHÀ Ở RIÊNG LÊ
KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG

BẢN VẼ: QH02	A2	TỶ LỆ :1/500	NGÀY: 03/2025
THIẾT KẾ	KTS NGUYỄN DUY LỘC		<i>(Signature)</i>
CHỦ TRÌ	KTS NGUYỄN DUY LỘC		<i>(Signature)</i>
CHỦ NHIỆM	KTS NGUYỄN DUY LỘC		<i>(Signature)</i>
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN DUY TUẤN		<i>(Signature)</i>

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



THS.KS. TRẦN DUY TUẤN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ QUY HOẠCH:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG



VĨNH XUÂN

Đ/C: 114 ĐƯỜNG SỐ 07, KDC PHÚ XUÂN, X. PHÚ XUÂN, H. NHÀ BÈ, TP. HCM
Email: ctytkxvinhxuan@gmail.com



1/2000

0 10 20 30 40 50m

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

CHỦ TỊCH

QUYẾT ĐỊNH SỐ 3845/... NGÀY 27 THÁNG 5... NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH NGÀY 03 THÁNG 04 NĂM 2025.

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TL 1/500

CÔNG TRÌNH NHÀ Ở RIÊNG LẺ KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

ĐỊA ĐIỂM: 173 TÔ KÝ, P. ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, PHẠM VI RANH GIỚI KHU ĐẤT

BẢN VẼ: QH01	A2	TỶ LỆ :1/2000	NGÀY: 03/2025
THIẾT KẾ	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
CHỦ TRÌ	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
CHỦ NHIỆM	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN DUY TUẤN		

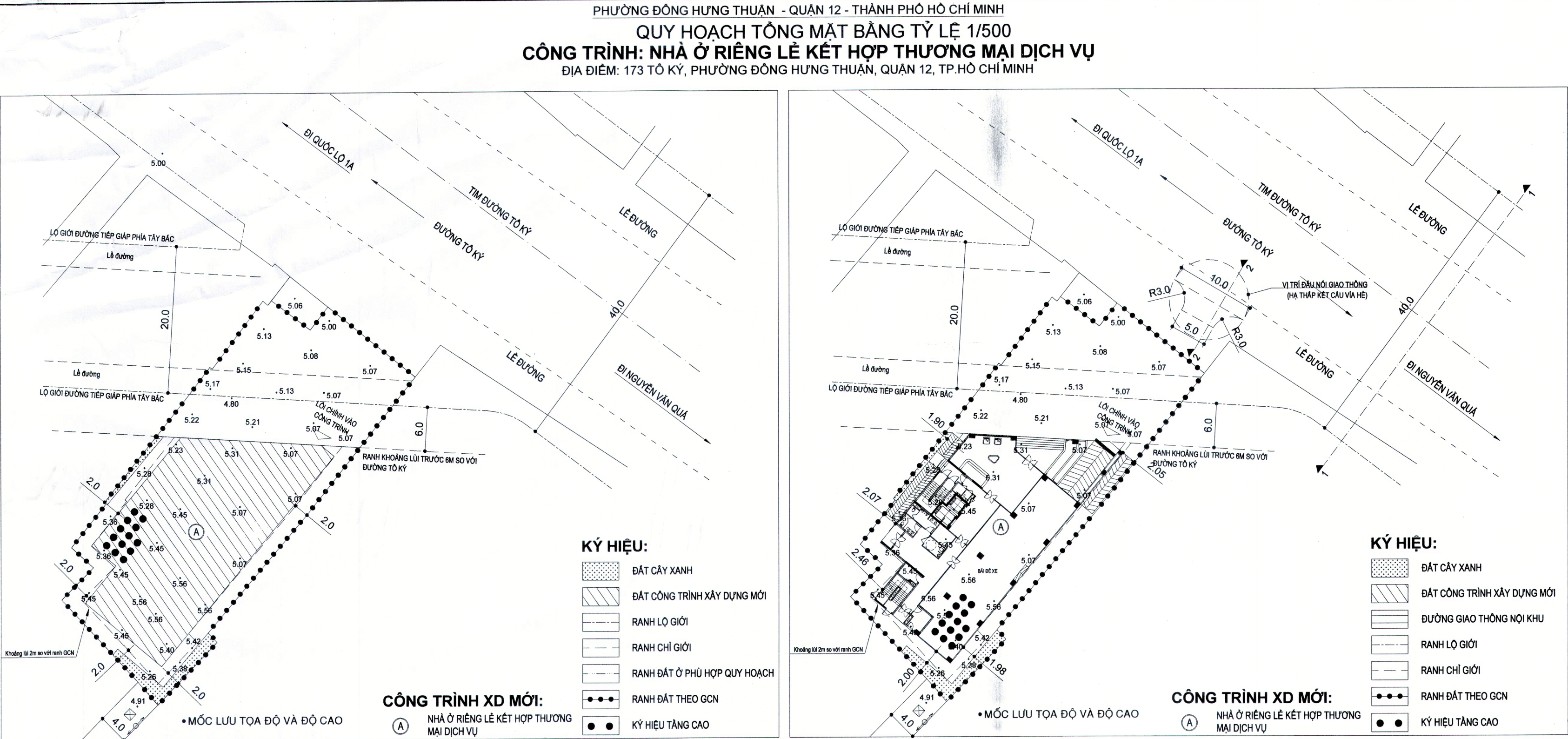
GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

THS.KS. TRẦN DUY TUẤN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ QUY HOẠCH: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG VINH XUÂN

Đ/C: 114 ĐƯỜNG SỐ 07, KDC PHÚ XUÂN, X. PHÚ XUÂN, H. NHÀ BÈ, TP. HCM

Email: chytadvinhxuan@gmail.com



CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

QUYẾT ĐỊNH SỐ 3845... NGÀY 07 THÁNG 5... NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:

NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG

NGUYỄN VĂN ĐỨC

KÈM THEO TỜ TRÌNH NGÀY 04 THÁNG 04 NĂM 2025.

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TL 1/500

CÔNG TRÌNH NHÀ Ở RIÊNG LÊ KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

ĐỊA ĐIỂM: 173 TÔ KÝ, P. ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ

BẢN VẼ QUY HOẠCH GIAO THÔNG

BẢN VẼ: QH03	A2	TỶ LỆ :1/500	NGÀY: 03/2025
THIẾT KẾ	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
CHỦ TRÌ	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
CHỦ NHIỆM	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN DUY TUẤN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

THS.KS. TRẦN DUY TUẤN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ QUY HOẠCH: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG VINH XUÂN

B/C: 114 ĐƯỜNG SỐ 07, KDC PHÚ XUÂN, X. PHÚ XUÂN, H. NHÀ BÈ, TP. HCM

Email: ctytkdvinhxuan@gmail.com

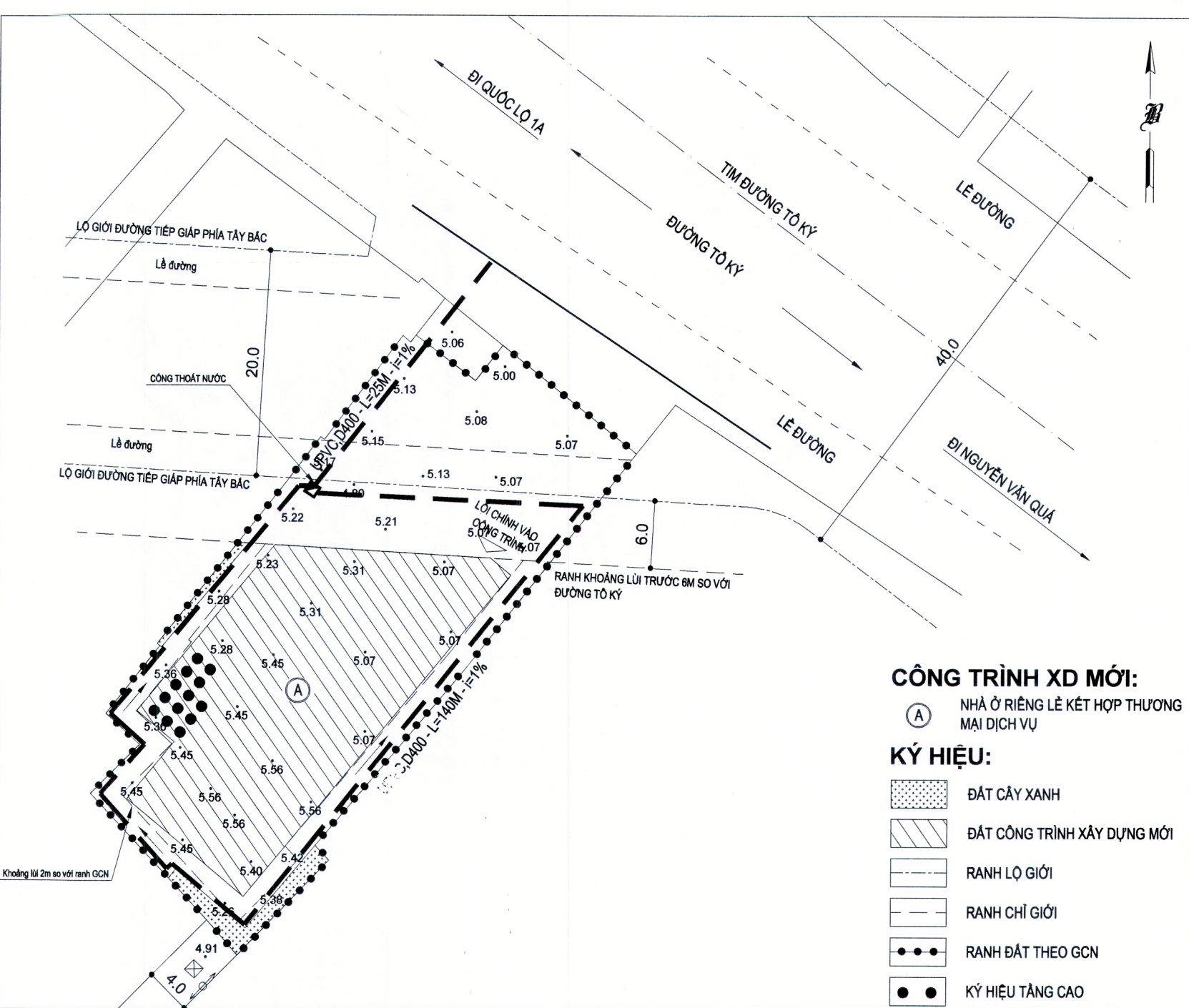
BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ - TỶ LỆ 1/500																																																																																																																																																							
BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH KHU ĐẤT Hệ tọa độ VN-2000 <table><tr><th>Số hiệu điểm</th><th colspan="2">Tọa độ</th><th>Cạnh (m)</th></tr><tr><th></th><th>X(m)</th><th>Y(m)</th><th></th></tr><tr><td>1</td><td>1199918.23</td><td>596277.18</td><td>4.95</td></tr><tr><td>2</td><td>1199922.10</td><td>596280.26</td><td>15.36</td></tr><tr><td>3</td><td>1199931.70</td><td>596268.27</td><td>6.66</td></tr><tr><td>4</td><td>1199928.58</td><td>596265.83</td><td>4.16</td></tr><tr><td>5</td><td>1199932.59</td><td>596260.50</td><td>0.79</td></tr><tr><td>6</td><td>1199931.97</td><td>596260.01</td><td>0.90</td></tr><tr><td>7</td><td>1199932.55</td><td>596259.32</td><td>11.57</td></tr><tr><td>8</td><td>1199923.33</td><td>596252.33</td><td>0.41</td></tr><tr><td>9</td><td>1199923.56</td><td>596252.00</td><td>4.59</td></tr><tr><td>10</td><td>1199919.92</td><td>596249.21</td><td>0.34</td></tr><tr><td>11</td><td>1199919.64</td><td>596249.00</td><td>18.53</td></tr><tr><td>12</td><td>1199905.15</td><td>596237.47</td><td>0.30</td></tr><tr><td>13</td><td>1199904.96</td><td>596237.71</td><td>7.70</td></tr><tr><td>14</td><td>1199898.93</td><td>596232.91</td><td>4.10</td></tr><tr><td>15</td><td>1199896.16</td><td>596235.93</td><td>6.20</td></tr><tr><td>16</td><td>1199891.78</td><td>596231.55</td><td>15.35</td></tr><tr><td>17</td><td>1199880.56</td><td>596242.03</td><td>4.14</td></tr><tr><td>18</td><td>1199877.45</td><td>596244.76</td><td>11.72</td></tr><tr><td>19</td><td>1199885.88</td><td>596252.91</td><td>1.80</td></tr><tr><td>20</td><td>1199887.20</td><td>596251.68</td><td>21.00</td></tr><tr><td>21</td><td>1199903.22</td><td>596265.26</td><td>19.17</td></tr><tr><td>1</td><td>1199918.23</td><td>596277.18</td><td></td></tr></table> BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH KHU ĐẤT THUỘC LỘ GIỚI KHÔNG ĐƯỢC XÂY DỰNG Hệ tọa độ VN-2000 <table><tr><th>Số hiệu điểm</th><th colspan="2">Tọa độ</th><th>Cạnh (m)</th></tr><tr><th></th><th>X(m)</th><th>Y(m)</th><th></th></tr><tr><td>1</td><td>1199918.23</td><td>596277.18</td><td>4.95</td></tr><tr><td>2</td><td>1199922.10</td><td>596280.26</td><td>15.36</td></tr><tr><td>3</td><td>1199931.70</td><td>596268.27</td><td>6.66</td></tr><tr><td>4</td><td>1199935.86</td><td>596263.07</td><td>4.16</td></tr><tr><td>5</td><td>1199932.59</td><td>596260.50</td><td>0.79</td></tr><tr><td>6</td><td>1199931.97</td><td>596260.01</td><td>0.90</td></tr><tr><td>7</td><td>1199932.55</td><td>596259.32</td><td>11.57</td></tr><tr><td>8</td><td>1199923.33</td><td>596252.33</td><td>0.41</td></tr><tr><td>9</td><td>1199923.56</td><td>596252.00</td><td>4.59</td></tr><tr><td>10</td><td>1199919.92</td><td>596249.21</td><td>28.02</td></tr><tr><td>1</td><td>1199918.23</td><td>596277.18</td><td></td></tr></table>				Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh (m)		X(m)	Y(m)		1	1199918.23	596277.18	4.95	2	1199922.10	596280.26	15.36	3	1199931.70	596268.27	6.66	4	1199928.58	596265.83	4.16	5	1199932.59	596260.50	0.79	6	1199931.97	596260.01	0.90	7	1199932.55	596259.32	11.57	8	1199923.33	596252.33	0.41	9	1199923.56	596252.00	4.59	10	1199919.92	596249.21	0.34	11	1199919.64	596249.00	18.53	12	1199905.15	596237.47	0.30	13	1199904.96	596237.71	7.70	14	1199898.93	596232.91	4.10	15	1199896.16	596235.93	6.20	16	1199891.78	596231.55	15.35	17	1199880.56	596242.03	4.14	18	1199877.45	596244.76	11.72	19	1199885.88	596252.91	1.80	20	1199887.20	596251.68	21.00	21	1199903.22	596265.26	19.17	1	1199918.23	596277.18		Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh (m)		X(m)	Y(m)		1	1199918.23	596277.18	4.95	2	1199922.10	596280.26	15.36	3	1199931.70	596268.27	6.66	4	1199935.86	596263.07	4.16	5	1199932.59	596260.50	0.79	6	1199931.97	596260.01	0.90	7	1199932.55	596259.32	11.57	8	1199923.33	596252.33	0.41	9	1199923.56	596252.00	4.59	10	1199919.92	596249.21	28.02	1	1199918.23	596277.18	
Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh (m)																																																																																																																																																				
	X(m)	Y(m)																																																																																																																																																					
1	1199918.23	596277.18	4.95																																																																																																																																																				
2	1199922.10	596280.26	15.36																																																																																																																																																				
3	1199931.70	596268.27	6.66																																																																																																																																																				
4	1199928.58	596265.83	4.16																																																																																																																																																				
5	1199932.59	596260.50	0.79																																																																																																																																																				
6	1199931.97	596260.01	0.90																																																																																																																																																				
7	1199932.55	596259.32	11.57																																																																																																																																																				
8	1199923.33	596252.33	0.41																																																																																																																																																				
9	1199923.56	596252.00	4.59																																																																																																																																																				
10	1199919.92	596249.21	0.34																																																																																																																																																				
11	1199919.64	596249.00	18.53																																																																																																																																																				
12	1199905.15	596237.47	0.30																																																																																																																																																				
13	1199904.96	596237.71	7.70																																																																																																																																																				
14	1199898.93	596232.91	4.10																																																																																																																																																				
15	1199896.16	596235.93	6.20																																																																																																																																																				
16	1199891.78	596231.55	15.35																																																																																																																																																				
17	1199880.56	596242.03	4.14																																																																																																																																																				
18	1199877.45	596244.76	11.72																																																																																																																																																				
19	1199885.88	596252.91	1.80																																																																																																																																																				
20	1199887.20	596251.68	21.00																																																																																																																																																				
21	1199903.22	596265.26	19.17																																																																																																																																																				
1	1199918.23	596277.18																																																																																																																																																					
Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh (m)																																																																																																																																																				
	X(m)	Y(m)																																																																																																																																																					
1	1199918.23	596277.18	4.95																																																																																																																																																				
2	1199922.10	596280.26	15.36																																																																																																																																																				
3	1199931.70	596268.27	6.66																																																																																																																																																				
4	1199935.86	596263.07	4.16																																																																																																																																																				
5	1199932.59	596260.50	0.79																																																																																																																																																				
6	1199931.97	596260.01	0.90																																																																																																																																																				
7	1199932.55	596259.32	11.57																																																																																																																																																				
8	1199923.33	596252.33	0.41																																																																																																																																																				
9	1199923.56	596252.00	4.59																																																																																																																																																				
10	1199919.92	596249.21	28.02																																																																																																																																																				
1	1199918.23	596277.18																																																																																																																																																					
BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT <table><tr><th>STT</th><th>LOẠI ĐẤT</th><th>DIỆN TÍCH (m²)</th><th>TỶ LỆ (%)</th></tr><tr><td>1</td><td>DIỆN TÍCH KHUÔN VIÊN KHU ĐẤT:</td><td>1207,4</td><td>-</td></tr><tr><td>1.1</td><td>DIỆN TÍCH THUỘC LỘ GIỚI:</td><td>265,3</td><td>-</td></tr><tr><td>1.2</td><td>DIỆN TÍCH PHÙ HỢP QUY HOẠCH:</td><td>942,1</td><td>100</td></tr><tr><td></td><td>- DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG:</td><td>551,0</td><td>58,49</td></tr><tr><td></td><td>- DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG:</td><td>361,8</td><td>38,40</td></tr><tr><td></td><td>- DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH:</td><td>29,3</td><td>3,11</td></tr></table>				STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)	1	DIỆN TÍCH KHUÔN VIÊN KHU ĐẤT:	1207,4	-	1.1	DIỆN TÍCH THUỘC LỘ GIỚI:	265,3	-	1.2	DIỆN TÍCH PHÙ HỢP QUY HOẠCH:	942,1	100		- DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG:	551,0	58,49		- DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG:	361,8	38,40		- DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH:	29,3	3,11																																																																																																																								
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)																																																																																																																																																				
1	DIỆN TÍCH KHUÔN VIÊN KHU ĐẤT:	1207,4	-																																																																																																																																																				
1.1	DIỆN TÍCH THUỘC LỘ GIỚI:	265,3	-																																																																																																																																																				
1.2	DIỆN TÍCH PHÙ HỢP QUY HOẠCH:	942,1	100																																																																																																																																																				
	- DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG:	551,0	58,49																																																																																																																																																				
	- DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG:	361,8	38,40																																																																																																																																																				
	- DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH:	29,3	3,11																																																																																																																																																				
BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT <table><tr><th>STT</th><th>HẠNG MỤC</th><th>ĐƠN VỊ</th><th>QUY MÔ</th></tr><tr><td>1</td><td>DIỆN TÍCH ĐẤT PHÙ HỢP QUY HOẠCH</td><td>m²</td><td>942.1</td></tr><tr><td>2</td><td>MẬT ĐỘ XÂY DỰNG</td><td>%</td><td>58.49</td></tr><tr><td>3</td><td>DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG THEO THIẾT KẾ: 8310,09 M2 BAO GỒM: - DIỆN TÍCH HẦM 1,2: 1753,30 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 1: 474,73 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 2: 474,73 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 3: 551,0 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 4-13: 498,8x10 M2 - DIỆN TÍCH TUM: 68,33 M2</td><td>m²</td><td>8310,09</td></tr><tr><td>4</td><td>HỆ SỐ SỬ DỤNG = 5476.45 M2 / 942.10 M2, TRONG ĐÓ DIỆN TÍCH 5476.45 M2 LÀ BAO GỒM: + DIỆN TÍCH TẦNG 1: 260.88 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 213,85 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 2: 138,02 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 336,71 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 3: 139,55 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 411,45 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 4-13: 493,80 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình) (Phần diện tích hầm 1,2 1753,30 M2 và Tum 68,33 m2 chỉ sử dụng phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình)</td><td>lần</td><td>5.81</td></tr><tr><td>5</td><td>TẦNG CAO XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</td><td>tầng</td><td>13 tầng nổi và 02 hầm</td></tr><tr><td>6</td><td>CHIỀU CAO XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</td><td>m</td><td>44.8</td></tr><tr><td>7</td><td>CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: - LƯỚI SO VỚI RANH LỘ GIỚI ĐƯỜNG TIẾP GIÁP: 6M. - LƯỚI SO VỚI RANH ĐẤT CÒN LẠI: 2M.</td><td></td><td></td></tr></table>				STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	QUY MÔ	1	DIỆN TÍCH ĐẤT PHÙ HỢP QUY HOẠCH	m ²	942.1	2	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	%	58.49	3	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG THEO THIẾT KẾ: 8310,09 M2 BAO GỒM: - DIỆN TÍCH HẦM 1,2: 1753,30 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 1: 474,73 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 2: 474,73 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 3: 551,0 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 4-13: 498,8x10 M2 - DIỆN TÍCH TUM: 68,33 M2	m ²	8310,09	4	HỆ SỐ SỬ DỤNG = 5476.45 M2 / 942.10 M2, TRONG ĐÓ DIỆN TÍCH 5476.45 M2 LÀ BAO GỒM: + DIỆN TÍCH TẦNG 1: 260.88 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 213,85 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 2: 138,02 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 336,71 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 3: 139,55 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 411,45 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 4-13: 493,80 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình) (Phần diện tích hầm 1,2 1753,30 M2 và Tum 68,33 m2 chỉ sử dụng phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình)	lần	5.81	5	TẦNG CAO XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	tầng	13 tầng nổi và 02 hầm	6	CHIỀU CAO XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	m	44.8	7	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: - LƯỚI SO VỚI RANH LỘ GIỚI ĐƯỜNG TIẾP GIÁP: 6M. - LƯỚI SO VỚI RANH ĐẤT CÒN LẠI: 2M.																																																																																																																						
STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	QUY MÔ																																																																																																																																																				
1	DIỆN TÍCH ĐẤT PHÙ HỢP QUY HOẠCH	m ²	942.1																																																																																																																																																				
2	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	%	58.49																																																																																																																																																				
3	DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG THEO THIẾT KẾ: 8310,09 M2 BAO GỒM: - DIỆN TÍCH HẦM 1,2: 1753,30 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 1: 474,73 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 2: 474,73 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 3: 551,0 M2 - DIỆN TÍCH TẦNG 4-13: 498,8x10 M2 - DIỆN TÍCH TUM: 68,33 M2	m ²	8310,09																																																																																																																																																				
4	HỆ SỐ SỬ DỤNG = 5476.45 M2 / 942.10 M2, TRONG ĐÓ DIỆN TÍCH 5476.45 M2 LÀ BAO GỒM: + DIỆN TÍCH TẦNG 1: 260.88 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 213,85 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 2: 138,02 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 336,71 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 3: 139,55 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình là 411,45 m2) + DIỆN TÍCH TẦNG 4-13: 493,80 M2 (đã trừ các diện tích sân phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình) (Phần diện tích hầm 1,2 1753,30 M2 và Tum 68,33 m2 chỉ sử dụng phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy và đỗ xe cho công trình)	lần	5.81																																																																																																																																																				
5	TẦNG CAO XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	tầng	13 tầng nổi và 02 hầm																																																																																																																																																				
6	CHIỀU CAO XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	m	44.8																																																																																																																																																				
7	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: - LƯỚI SO VỚI RANH LỘ GIỚI ĐƯỜNG TIẾP GIÁP: 6M. - LƯỚI SO VỚI RANH ĐẤT CÒN LẠI: 2M.																																																																																																																																																						
1. CAO ĐỘ NỀN: - HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT PHÍA TRƯỚC CÔNG TRÌNH TIẾP GIÁP ĐƯỜNG TÔ KÝ LỘ GIỚI 40M. - LỐI TIẾP CẬN CÔNG TRÌNH GỒM 01 ĐIỂM ĐẦU NỐI CÓ ĐỘ RỘNG 5M, BÁN KÍNH BỜ R3.0M. (THEO VẤN BẢN SỐ 13130/SGTVT-KT V/V THỎA THUẬN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KẾT NỐI GIAO THÔNG CỦA CÔNG TRÌNH NHÀ Ở RIÊNG LÊ KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI SỐ 173 TÔ KÝ, PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12)																																																																																																																																																							
MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG TÔ KÝ MẶT CẮT 2-2 (CẮT NGANG TẠI VỊ TRÍ VƯỢT NỒI) TL: 1/500																																																																																																																																																							
MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG TIẾP GIÁP PHÍA TÂY BẮC																																																																																																																																																							

PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN - QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

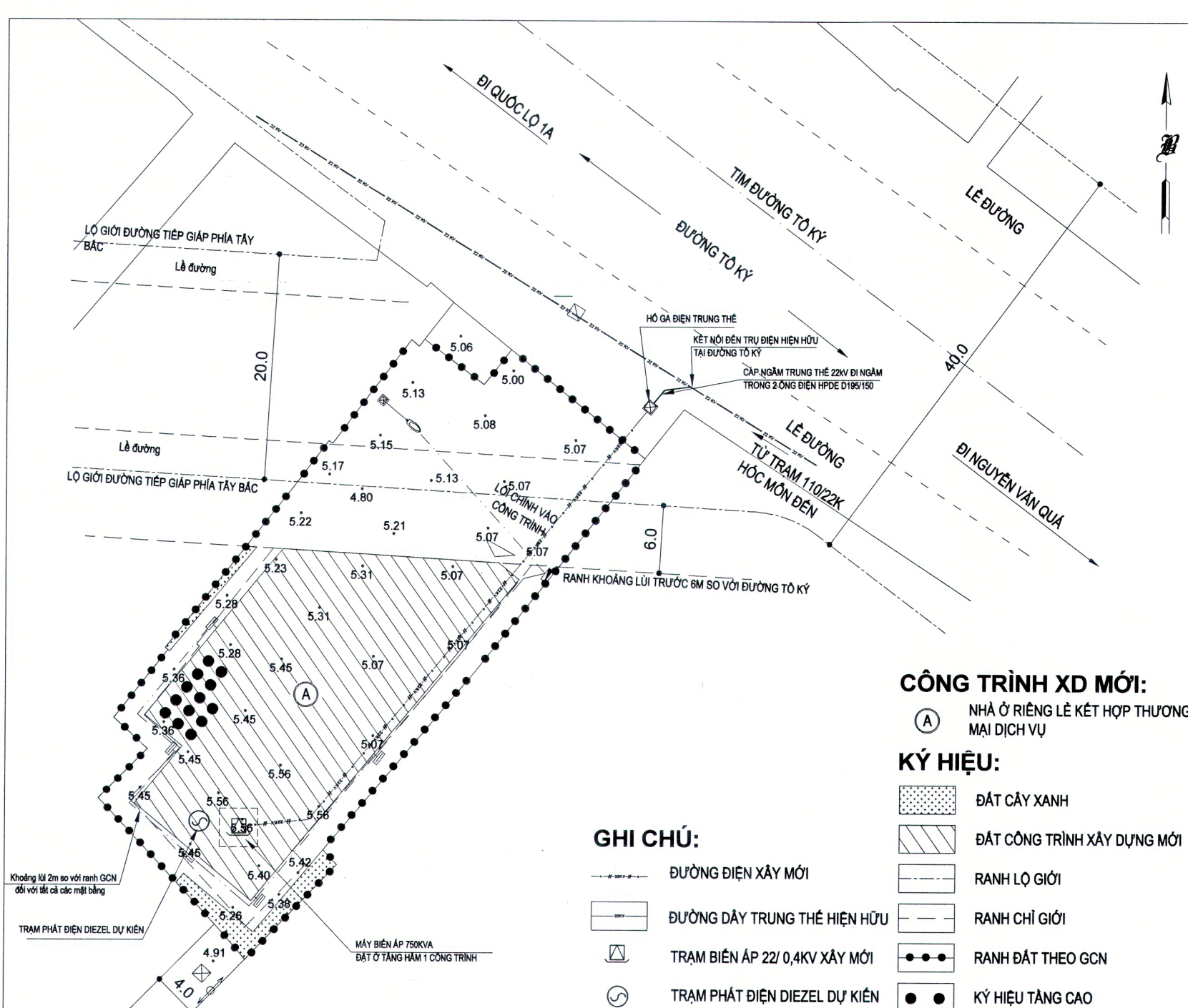
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500

CÔNG TRÌNH: NHÀ Ở RIÊNG LẺ KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

ĐỊA ĐIỂM: 173 TÔ KÝ, PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH



BẢN VẼ QUY HOẠCH CHUẨN BỊ KỸ THUẬT
- TỶ LỆ 1/500



BẢN VẼ QUY HOẠCH CUNG CẤP NƯỚC LƯỢNG VÀ
CHIỀU SÁNG - TỶ LỆ 1/500

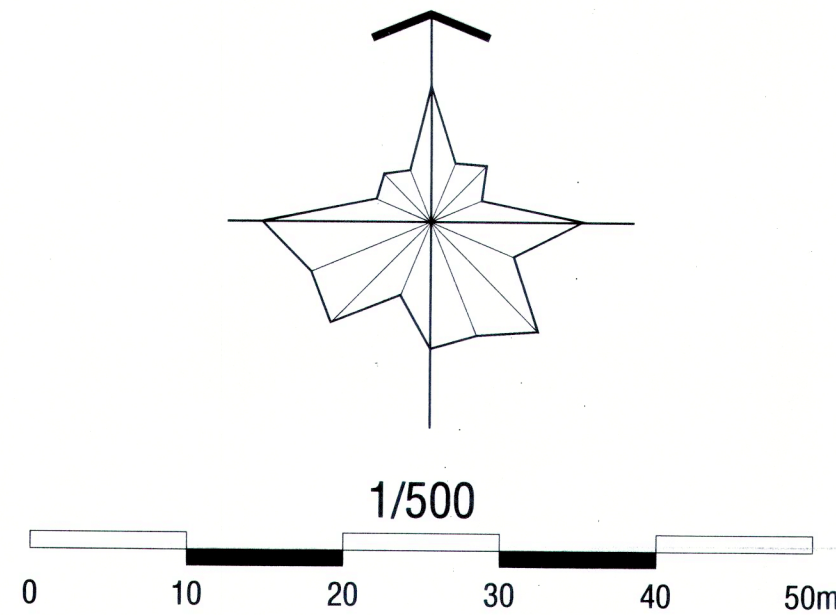
THUYẾT MINH CẤP NƯỚC
A. THIẾT KẾ
I. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ
- QCVN 12: 2014/BXD - QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ HỆ THỐNG ĐIỆN CỦA NHÀ Ở VÀ NHÀ CÔNG CỘNG.
- TCVN 9207-2012: ĐẶT ĐƯỜNG DÂY DẪN ĐIỆN TRONG NHÀ Ở VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG-TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ.
- TCVN 9208:2012: ĐẶT THIẾT BỊ ĐIỆN TRONG NHÀ Ở VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ.
II. NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ
- HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN PHẢI THỎA MÃN CÁC YÊU CẦU SAU:
+ PHẢI ĐẢM BẢO ĐỘ TIN CẬY CẤP ĐIỆN CAO.
+ ĐÁP ỨNG NHU CẦU SỬ DỤNG VỀ ĐỘ CHIẾU SÁNG.
+ HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO: MỨC TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG THẤP, TUỔI THỌ CỦA THIẾT BỊ VÀ TOÀN HỆ THỐNG CAO, GIẢM LƯỢNG TỒN THẤT ĐIỆN NĂNG, GIẢM CHI PHÍ VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ AN TOÀN.
+ THUẬN TIỆN TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG.
III. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ
1. NGUỒN CẤP ĐIỆN
- NGUỒN CẤP ĐIỆN CHO DỰ ÁN LÀ NGUỒN ĐIỆN QUỐC GIA THÔNG QUA TUYẾN TRUNG THỂ 22KV HẠ TẦNG HIỆN HỮU ĐƯỜNG TÔ KÝ.
- TỪ ĐIỂM ĐẦU NỐI KÉO TUYẾN CẤP TRUNG THỂ 24KV CẤP NGUỒN CHO TRẠM BIẾN ÁP ĐẶT TẠI TẦNG HẦM 01.
2. TRẠM BIẾN ÁP 22/0,4KV
- XÂY MỚI TRẠM BIẾN ÁP 22/0,4KV - CÔNG SUẤT 750KVA CẤP ĐIỆN CHO CÔNG TRÌNH.
3. CHIẾU SÁNG
TỦ ĐIỆN CẤP NGUỒN CHIẾU SÁNG LẤY NGUỒN TỪ PHẦN PHỐI CHÍNH ĐẶT PHÒNG BẢO VỆ.
- SỬ DỤNG ĐÈN LED CHIẾU SÁNG CHO KHU QUY HOẠCH, ĐÈN LẮP TRÊN TRỤ THỤ TRẮNG KÉM CAO 8M KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC TRỤ TỪ 20-30M. DÙNG CÁP NGÀM CU/XLPE/PVC CẤP ĐIỆN CHIẾU SÁNG CHO TOÀN KHU DỰ ÁN.

+

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU
1	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG	M2	8257,89
2	CHỈ TIÊU	W/m2	75
3	HỆ SỐ ĐỒNG THỜI KHI		0,9
4	10% DỰ PHÒNG		1,1
5	CÔNG SUẤT TẮC DỤNG	KW	524,4
6	CÔNG SUẤT BIỂU KIẾN	KVA	636
7	CHON TRẠM BIẾN ÁP	KVA	1x750
8	PHỤ TẢI ĐIỆN YÊU CẦU TOÀN KHU	KVA	636

- KÝ HIỆU:
- — — — — CÔNG TRÌNH NGÀM THOÁT NƯỚC
L-D-I — — — — — CHIỀU DÀI (M)-ĐƯỜNG KÍNH (MM)-
— — — — — RƯỜNG THOÁT NƯỚC
■ GIẾNG THU
1. CAO ĐỘ NỀN:
- CAO ĐỘ XÂY DỰNG CHON $H_{xd} \geq 5.7m$ (CAO ĐỘ CHUẨN QUỐC GIA)
- DỰ ÁN CHỦ YẾU LÀ XÂY KHỐI NHÀ CAO TẦNG CỖ HẠM VÀ ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI KHU. NÊN ĐÀO MÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TỪ MẶT ĐẤT HIỆN HỮU MÀ KHÔNG CẦN PHẢI SAN NỀN TRƯỚC.
2. THOÁT NƯỚC MẶT:
- SỬ DỤNG CHỦ YẾU HỆ THỐNG CỐNG NGÀM XUNG QUANH RANH ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐỂ TỎ CHỨC THOÁT NƯỚC MƯA.
- HỆ THỐNG CỐNG SỬ DỤNG CỐNG TRÒN NGÀM BTCT VỚI TIẾT DIỆN D400MM. NƠI CỐNG THEO NGUYÊN TẮC NGANG ĐÌNH VÀ ĐỘ SÂU CHỌN CỐNG TỐI THIỂU LÀ 0.50M TÍNH TỪ MẶT ĐẤT ĐẾN ĐỈNH CỐNG.
- ĐỘ DỐC CỐNG TỐI THIỂU LÀ $i = 1\%$ ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG TỰ LÀM SẠCH CỦA CỐNG.

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	UPVC D400	M	155
2	GIẾNG THU	CÁI	01



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

CHỦ TỊCH

QUYẾT ĐỊNH SỐ 3815..... NGÀY 03 THÁNG 5 NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG

NGUYỄN VĂN ĐỨC

KÈM THEO TỜ TRÌNH NGÀY 03 THÁNG 04 NĂM 2025.

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TL 1/500
CÔNG TRÌNH NHÀ Ở RIÊNG LẺ
KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

ĐỊA ĐIỂM: 173 TÔ KÝ, P. ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ QUY HOẠCH CHUẨN BỊ KỸ THUẬT
BẢN VẼ QUY HOẠCH CUNG CẤP NƯỚC LƯỢNG VÀ CHIỀU SÁNG

BẢN VẼ: QH04	A2	1/500	NGÀY: 03/2025
THIẾT KẾ	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
CHỦ TRÌ	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
CHỦ NHIỆM	KTS NGUYỄN DUY LỘC		
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN DUY TUẤN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

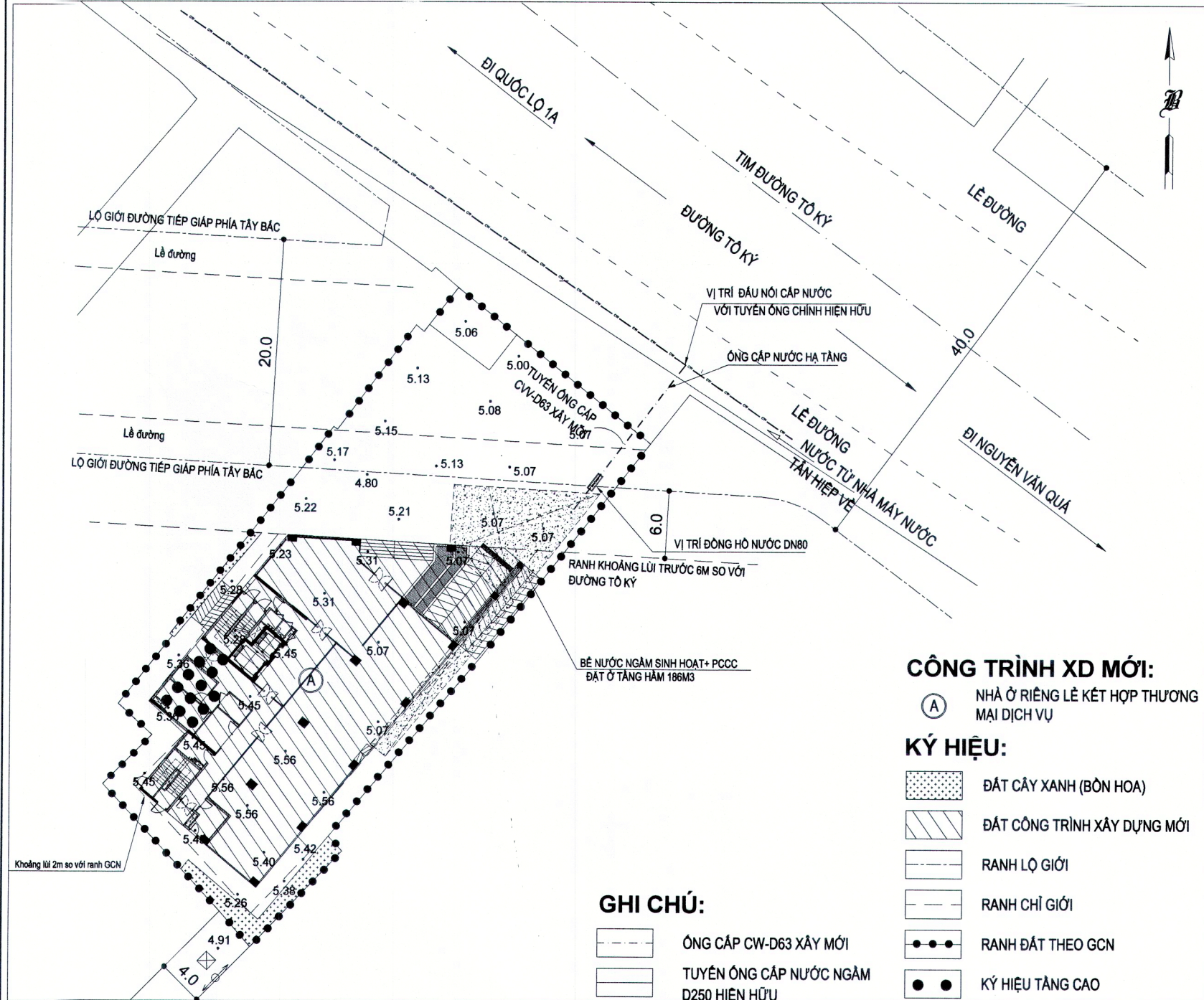
THS.KS. TRẦN DUY TUẤN

PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN - QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

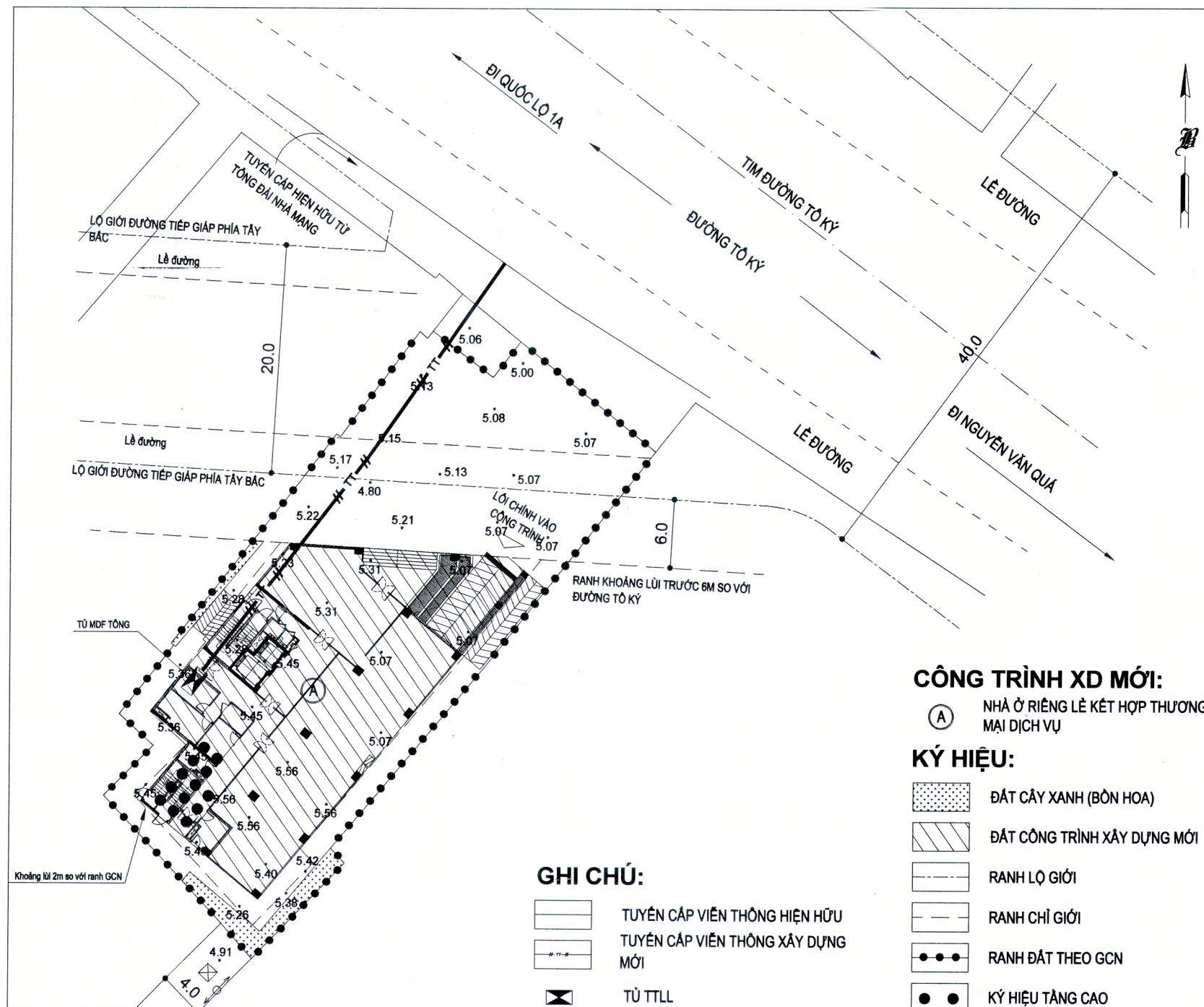
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500

CÔNG TRÌNH: NHÀ Ở RIÊNG LÊ KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

ĐỊA ĐIỂM: 173 TÔ KÝ, PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH



BẢN VẼ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC - TỶ LỆ 1/500

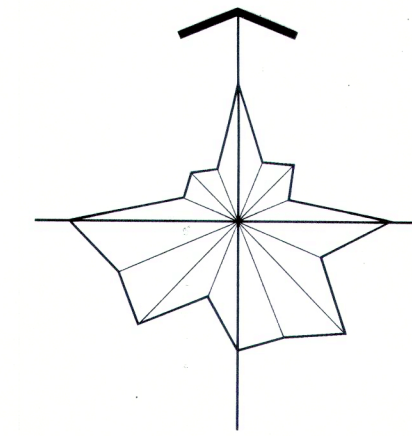


BẢN VẼ QUY HOẠCH HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG
- TỶ LỆ 1/500

- CÁC TIÊU CHUẨN QUY CHUẨN ÁP DỤNG
 - QCVN 01:2021/BXD - QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG.
 - QCVN 07:2023/BXD.
 - QCVN 06:2022/BXD - QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH VÀ SỬA ĐỔI 01:2023.
- CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT - XEM BẢNG TÍNH TOÁN:
 - TỔNG LƯU LƯỢNG NƯỚC CẤP SINH HOẠT VÀ NƯỚC DỪNG CHO PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY: 186 m³/NGÀY
- NGUỒN CẤP NƯỚC:
 - NGUỒN CẤP NƯỚC CHO DỰ ÁN ĐƯỢC LẤY TỪ ỨNG CẤP NƯỚC HIỆU HỮU CỦA THÀNH PHỐ TRÊN ĐƯỜNG TÔ KÝ.
 - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ỨNG CẤP NƯỚC HDPE D63 TỪ ĐIỂM KẾT NỐI VỚI ỨNG CẤP NƯỚC HIỆU HỮU ĐỂ CẤP NƯỚC CHÍNH VÀO CHO TỌA BỘ DỰ ÁN.
- PHƯƠNG ÁN CẤP NƯỚC:
 - NƯỚC CẤP SAU KHI ĐẦU NỐI VÀO TUYẾN ỨNG CẤP NƯỚC HIỆU HỮU CỦA THÀNH PHỐ, QUA CỤM ĐỒNG HỒ DN40, XUYÊN VÁCH HẠM CẤP VÀO CHO BỂ NGÀM NƯỚC SINH HOẠT VÀ BỂ NGÀM CHỮA CHÁY CỦA CÔNG TRÌNH.
 - TẠI VỊ TRÍ ĐẦU NỐI BỐ TRÍ 1 VAN KHÓA.
 - BỐ TRÍ 1 ĐỒNG HỒ CẤP NƯỚC TỔNG ĐỂ ĐO LƯU LƯỢNG CẤP NƯỚC.
 - SỬ DỤNG ỨNG HDPE D63 CHO TUYẾN ỨNG CẤP NƯỚC TỪ ĐIỂM ĐẦU NỐI ĐẾN ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC.
 - CAO ĐỘ CHỖN ỨNG TỐI THIỂU TÍNH TỚI ĐỈNH ỨNG LÀ 0.5MM VỚI ỨNG ĐI TRÊN VÁCH HẸ.

THUYẾT MINH TÓM TẮT:

KHU QUY HOẠCH ĐƯỢC CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN LIÊN LẠC TỪ CẤP PHÂN PHỐI CỦA NHÀ MẠNG Ở GẦN KHU VỰC XÂY DỰNG. ĐỂ PHỤC VỤ CÁC NHU CẦU THÔNG TIN LIÊN LẠC, TẠI KHU QUY HOẠCH CẦN XÂY DỰNG 1 TỦ MDF TỔNG. CẤP PHÂN PHỐI TỪ TỦ CẤP PHÂN PHỐI CỦA NHÀ MẠNG ĐẾN TỦ CẤP TỔNG CỦA CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG, CẤP QUANG LUỒN TRONG ỨNG BẢO VỆ HDPE ĐỊ NGÀM.



1/500

0 10 20 30 40 50m

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

CHỦ TỊCH



QUYẾT ĐỊNH SỐ 3845 NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 2025

NGUYỄN VĂN ĐỨC

CHỦ ĐẦU TƯ:
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH NGÀY 08 THÁNG 04 NĂM 2025.

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TL 1/500

CÔNG TRÌNH NHÀ Ở RIÊNG LÊ
KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

ĐỊA ĐIỂM: 173 TÔ KÝ, P. ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC

BẢN VẼ QUY HOẠCH HẠ TẦNG VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

BẢN VẼ: QH05 A2 TỶ LỆ 1:500 NGÀY: 03/2025

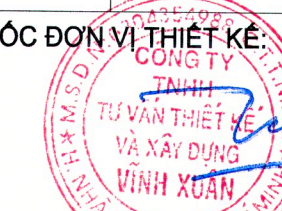
KTS NGUYỄN DUY LỘC

CHỦ TRÌ KTS NGUYỄN DUY LỘC

CHỦ NHIỆM KTS NGUYỄN DUY LỘC

QL. KỸ THUẬT KS. TRẦN DUY TUẤN

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



THS.KS. TRẦN DUY TUẤN

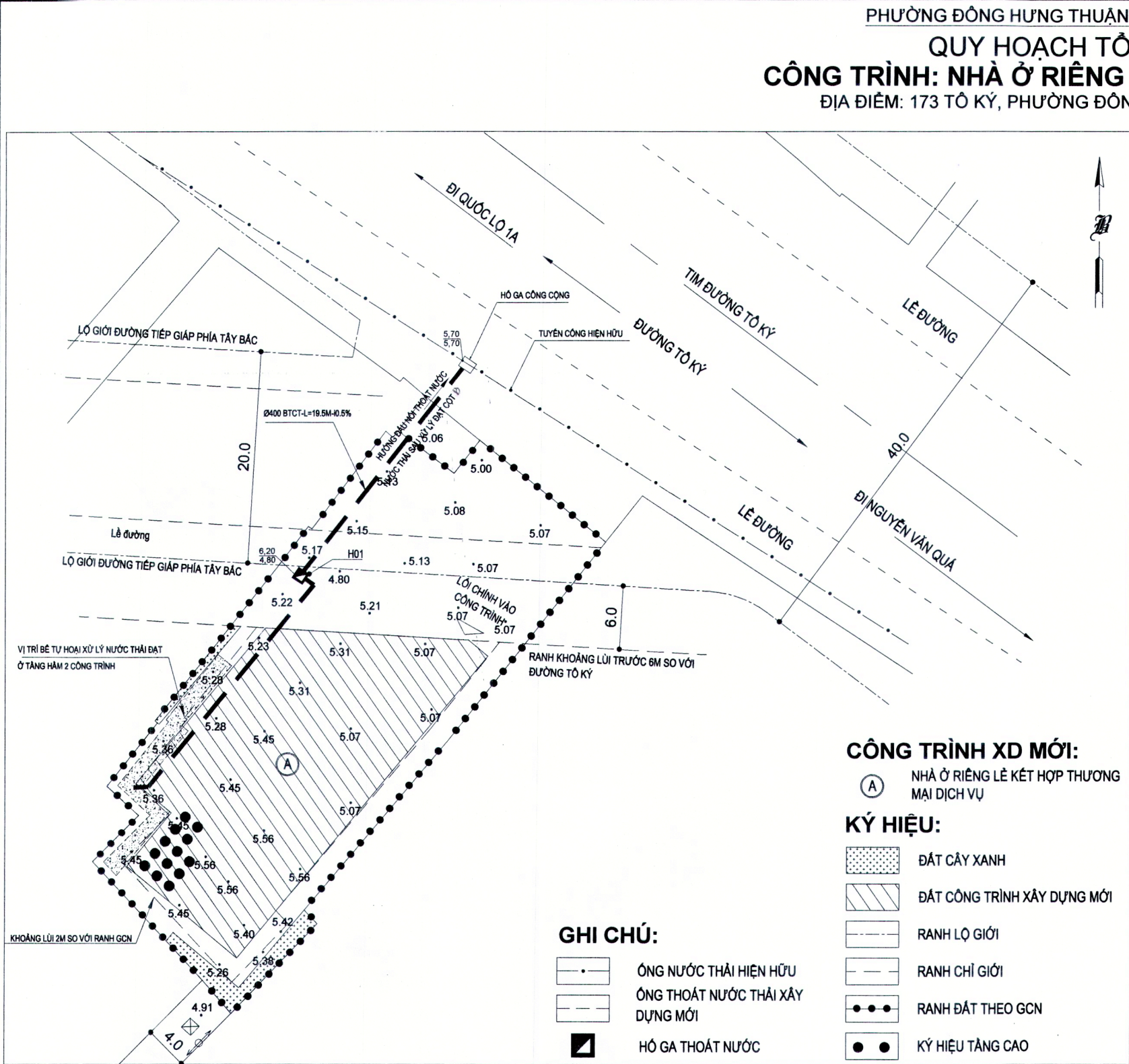
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ QUY HOẠCH:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG

VINH XUÂN

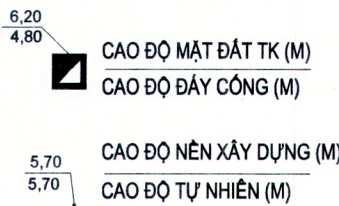
Đ/C: 114 BƯỜNG SỐ 07, KDC PHÚ XUÂN, X. PHÚ XUÂN, H. HẠ HẸ, TP. HCM

Email: chitkcdvinhxuan@gmail.com



BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN - TỶ LỆ 1/500

KÝ HIỆU:



QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI:

TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ:

- QCVN 01:2021/BXD QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG.
- QCVN 07-2023/BXD Q
- TCVN 7957:2023 THOÁT NƯỚC - MẠNG LƯỚI VÀ CÔNG TRÌNH BÊN NGOÀI - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ.

QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI:

- LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI TÍNH BẰNG 100% LƯU LƯỢNG NƯỚC CẤP CHO NHU CẦU SINH HOẠT (KHÔNG TÍNH NƯỚC RỎ RỈ + TƯỚI CÂY) LÀ:
 $Q = (28 + 3,5) \times 1,2 = 37,8 \text{ m}^3/\text{NGĐ}$ VÀ $Q_{\text{max}} = K_{\text{ngày}} \times Q = 45 \text{ m}^3/\text{ngày}$
- TOÀN BỘ NƯỚC THẢI ĐEN PHÁT SINH TỪ XÍ, TIỂU ĐƯỢC THU GOM VÀO BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN DUNG TÍCH 100M³. NƯỚC THẢI ĐEN SAU KHI XỬ LÝ SƠ BỘ TẠI BỂ TỰ HOẠI ĐƯỢC DẪN SANG NGĂN TIẾP NHẬN CỦA BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.
- TOÀN BỘ NƯỚC THẢI XÁU TỪ PHÉU THU SÀN, CHẬU RỬA ĐƯỢC THU GOM VÀO NGĂN TIẾP NHẬN KẾT HỢP BỂ ĐIỀU HÒA CỦA BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT.
- XÂY DỰNG 1 BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 45M³/NG (LẤM TRÒN SỐ) CHO TOÀN BỘ CÔNG TRÌNH, ĐẠT TIÊU CHUẨN QCVN 14:2008/BTNMT
- ĐƯỢC ĐẶT NƠI Ở SÀN TẦNG HẦM 2. NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ ĐẠT CỘT B, QCVN 14:2008/BTNMT THÌ ĐƯỢC BƠM LÊN HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI H01 ĐẠT CHẤT ẨM SÀN TẦNG 1. TỪ ĐÂY NƯỚC THẢI ĐƯỢC ĐÁU VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG CỦA KHU VỰC THỐNG QUÁ TUYẾN ỜNG D140, 11%.
- SỬ DỤNG ỜNG UPVC CHO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

ĐỐI VỚI CHẤT THẢI:

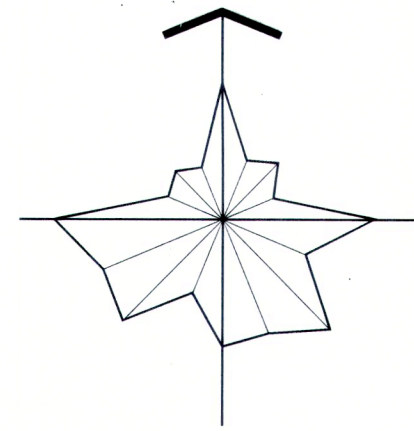
- NGUỒN PHÁT SINH: TỪ HOẠT ĐỘNG CỦA CỬA VÁN PHÒNG: SỬ DỤNG BÓNG ĐÈN HUỖNH QUANG ĐỂ CHIẾU SÁNG, BÌNH XỊT CÔN TRÙNG, SỬ DỤNG CÁC BÌNH CHỨA HÓA CHẤT TẨY RỬA, BÌNH MỰC CHO MÁY IN VÀ MÁY PHOTO.
- CHẤT THẢI NGUY HẠI PHÁT SINH ĐƯỢC PHÂN ĐỊNH, PHÂN LOẠI, THU GOM, LƯU CHỨA TẠI KHU CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI CÓ DIỆN TÍCH 10M² TẠI TẦNG TRỆT, BỎ TRỪ CÁC THÙNG CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI RIÊNG BIỆT.
- CHỦ DỰ ÁN CAM KẾT KÝ HỢP ĐỒNG VỚI ĐƠN VỊ CÓ CHỨC NĂNG ĐỀ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.

ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

- NGUỒN PHÁT SINH: TẠI DỰ ÁN PHÁT SINH CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TỪ HOẠT ĐỘNG CỦA KHU VÁN PHÒNG, KHÁCH VẮNG LẠI, CHỦ YẾU LÀ BAO BÌ, GIẤY THẢI, HỘP ĐỰNG THỰC PHẨM THẢI,.... KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT:

STT	NGUỒN PHÁT SINH	NGƯỜI	CHỈ TIÊU	CHỈ TIÊU
1	NHÂN VIÊN VÁN PHÒNG	449	1,3 (THEO QCVN 01:2021/BXD, BẢNG 2.23, MỤC 2.12.1	910
2	NHÂN VIÊN BAN QUẢN LÝ	8	(DỰ ÁN THUỘC TP.HCM - ĐÔ THỊ ĐẶC BIỆT)	10
3	KHÁCH VẮNG LẠI	43		56
TỔNG CỘNG				976

- RÁC SINH HOẠT PHÁT SINH TẠI DỰ ÁN ĐƯỢC BỎ TRÍ THU GOM NHƯ SAU:
- CÁC KHU VỰC KỸ THUẬT, PHÒNG ĐỒ RÁC ĐƯỢC BỎ TRÍ TẠI KHU VỰC CUỐI SẢNH CÁC TẦNG ĐẢM BẢO KHOẢNG CÁCH LY TỐT NHẤT ĐẾN KHU VÁN PHÒNG. HỆ THỐNG THU GOM RÁC SẼ ĐƯỢC THU GOM BẰNG THANG MÁY XUỐNG PHÒNG THU GOM RÁC TẠI PHÒNG LƯU CHỨA 15M² TẠI TẦNG TRỆT VÀ ĐƯỢC CHUYỂN RA NGOÀI BẰNG XE CHUYỂN DUNG THEO GIỜ QUY ĐỊNH ĐỂ TRÁNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRONG CÔNG TRÌNH.
- CHỦ DỰ ÁN SẼ KÝ HỢP ĐỒNG THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT VỚI ĐƠN VỊ CÓ CHỨC NĂNG THU GOM THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH.



1/500

0 10 20 30 40 50m

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

CHỦ TỊCH



QUYẾT ĐỊNH SỐ 2845..... NGÀY 27 THÁNG 5... NĂM 2025

NGUYỄN VĂN ĐỨC

CHỦ ĐẦU TƯ:
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH NGÀY 04 THÁNG 04 NĂM 2025.

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TL 1/500

CÔNG TRÌNH NHÀ Ở RIÊNG LÊ
KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

ĐỊA ĐIỂM: 173 TÔ KÝ, P. ĐÔNG HƯNG THUẬN, QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI VÀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

BẢN VẼ: QH06	TỶ LỆ : 1/500	NGÀY: 03/2025
THIẾT KẾ	KTS NGUYỄN DUY LỘC	
CHỦ TRÌ	KTS NGUYỄN DUY LỘC	
CHỦ NHIỆM	KTS NGUYỄN DUY LỘC	
QL. KỸ THUẬT	KS. TRẦN DUY TUẤN	

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



THS.KS. TRẦN DUY TUẤN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ QUY HOẠCH:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG
VĨNH XUÂN
Đ/C: 114 ĐƯỜNG SỐ 07, KDC PHÚ XUÂN, X. PHÚ XUÂN, H. NHÀ BÈ, TP. HCM
Email: ctytkxdvinhxuan@gmail.com